

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **249/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/7/2024

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Kỳ Phong;

2. Ông Nguyễn Phúc Viễn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Xuyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thành Khánh Duy – Kiểm sát viên;

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-HN ngày 28/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 76/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Huỳnh Thị Thuỳ L**, sinh năm 1992 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp LB, xã LA, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Lê Hữu C**, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp LPA, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thuỳ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hữu C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LHL vào ngày 21/8/2018. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp, vợ chồng có ly hôn bằng bản án số 113/2016/HNST ngày 07/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo. Sau đó, vợ chồng về có hàn gắn lại và có đăng ký kết hôn lại vào ngày 21/8/2018. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn phát

sinh nhiều mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, sống không còn hạnh phúc nữa, tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Huỳnh Hữu L, sinh ngày 29/3/2011 và Lê Huỳnh Khả N, sinh ngày 12/9/2018. Hiện nay cháu L đang sống với anh C, cháu N đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, đồng ý để anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, không có tranh chấp và không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn anh Lê Hữu C đã được triệu tập hợp lệ Nng vẫn vắng mặt, không có lý do chính đáng và cũng không có văn bản ghi ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của chị L.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do, không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận lý do chị L xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hiện không còn tình cảm, anh C không có văn bản hay ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị L nên đề nghị Tòa cho chị L ly hôn;

Về con chung: Để đảm bảo cho sự phát triển bình thường và sự ổn định cho 02 cháu L và N nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu L cho anh C tiếp tục nuôi, giao cháu N cho chị L nuôi, không cấp dưỡng do nuôi con chung do không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai của chị L tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Huỳnh Thị Thuỳ L và anh Lê Hữu C qua tìm hiểu, sống chung N vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LHL vào ngày 21/8/2018 chứng nhận kết hôn là hôn nhân

hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Hữu C đã được triệu tập hợp lệ xét xử, Nng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L; Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân chị L xin ly hôn là do phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp, vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly hôn bằng bản án số 113/2016/HNST ngày 07/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo. Sau đó, vợ chồng về có hàn gắn lại và có đăng ký kết hôn lại vào ngày 21/8/2018. Tuy nhiên, cuối năm 2018 vợ chồng vẫn phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, sống không còn hạnh phúc nữa, tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu tiếp tục xin ly hôn với anh C là có căn cứ. Bởi lẽ, anh C không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, được Tòa án triệu tập nhiều lần Nng vẫn vắng mặt, điều đó cho thấy anh C chưa thật sự muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên cần xem xét cho chị L ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 chung tên Lê Huỳnh Hữu L, sinh ngày 29/3/2011 và Lê Huỳnh Khả N, sinh ngày 12/9/2018. Hiện nay cháu L đang sống với anh C, cháu N đang sống với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, đồng ý để anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, không có tranh chấp và không yêu cầu ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con chung của chị L, Hội đồng xét xử nhận thấy, ý kiến của cháu L muốn sống chung với anh C nên cần giữ ổn định cho cháu về nơi ở, về việc tiện cho học tập và các mặt sinh hoạt khác nên giao cho anh C tiếp tục nuôi cháu L là phù hợp. Cháu N đang do chị L nuôi dưỡng, anh C không có tranh chấp việc nuôi dưỡng cháu N nên cần giao chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị L, anh C không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét. Người không nuôi con chung có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định pháp luật.

[9] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Thuỳ L đối với anh Lê Hữu C.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị Thuỳ L được ly hôn với anh Lê Hữu C;

1.2. *Về con chung:* Giao cháu Lê Huỳnh Hữu L, sinh ngày 29/3/2011 cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Huỳnh Khả N, sinh ngày 12/9/2018 cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị L, anh C không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở việc thăm nom.

1.3. *Về tài sản chung:* Không có;

1.4. *Về nợ chung:* Không có.

2. ***Về án phí:*** Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0007239 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem N nộp xong án phí.

3. ***Quyền kháng cáo:*** Chị L và anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đường sự (để thi hành);
- UBND xã LHL;
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thị Mỹ Lìl